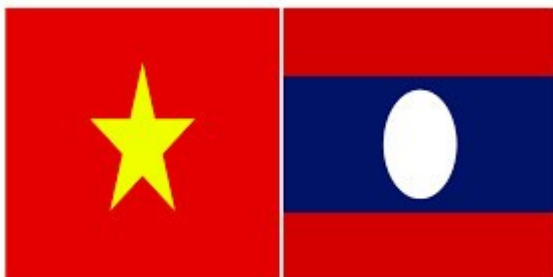


QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO (1930 – 2017) (PHẦN I)



Thiết thực hưởng ứng “Năm Đoàn kết Hữu nghị Việt Nam – Lào 2017”, chào mừng kỷ niệm 55 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1962 – 2017) và 40 năm ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (1977 – 2017). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, cuộc thi “Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào” được phát động trên cả nước với nội dung và hình thức phong phú.

Nhằm góp phần cung cấp thông tin, tư liệu chính thống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, có thể hoàn thành tốt bài dự thi, Ban Tổ chức cuộc thi trân trọng giới thiệu cuốn tài liệu tuyên truyền "Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930 – 2017)".

Cuốn sách trình bày những nét chính yếu chặng đường lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam từ năm 1930 đến 2017; nêu bật những thành quả, vai trò to lớn của mỗi quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc đối với tiến trình cách mạng mỗi nước trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng nhân dân cách mạng Lào.

CHƯƠNG I

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, HAI DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ LÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 – 1945)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO, LÀO – VIỆT NAM

Từ bao đời qua, Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng, gần gũi bên nhau như làng trên xóm dưới. Nhân dân Việt Nam thường nói láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau tương tự như cách nhân dân Lào gọi nhân dân Việt Nam là bản cạy hươn khiêng (bản kê, nhà cạnh).

Quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là mối quan hệ nhân hòa, nảy sinh từ đời sống thích ứng với tự nhiên và dựng xây xã hội của biết bao thế hệ cộng đồng dân cư hai nước có nhiều lợi ích tương đồng, cao hơn hết là vận mệnh hai dân tộc gắn bó với nhau rất khăng khít và được phát triển thành quan hệ đặc biệt chưa từng có trong lịch sử quan hệ quốc tế.

Quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam hình thành nên

không hề do ý muốn chủ quan của bất kỳ bên nào, cũng không phải là một hiện tượng nhất thời mà bắt nguồn từ vị trí địa - chiến lược của hai nước, từ bản chất nhân văn, nương tựa lẫn nhau của hai dân tộc có cùng lợi ích cơ bản về độc lập, tự chủ và nguyện vọng chính đáng thiết tha về hòa bình và phát triển. Quan hệ truyền thống hữu nghị Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam được nâng thành quan hệ đặc biệt kể từ khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 và sau đó (tháng 10 năm 1930), Đảng được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào sau này.

- Cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ

Việt Nam và Lào có vị trí địa - chiến lược quan trọng ở vùng Đông Nam Á do nằm kề con đường giao thương hàng hải hàng đầu thế giới, nối liền Đông Bắc Á, Nam Á qua Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, nơi có nguồn trữ lượng dầu khí và tiềm năng tài nguyên khoáng sản khá dồi dào, một tiêu điểm của sự tranh giành lợi ích và ảnh hưởng giữa các nước lớn và các trung tâm quyền lực quốc tế.

Dãy Trường Sơn, biên giới tự nhiên giữa Việt Nam và Lào là bức tường thành hiểm yếu, tạo điều kiện cho hai nước tựa lưng vào nhau, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Tại đây, có nhiều vị trí chiến lược không chế những địa bàn then chốt về kinh tế và quốc phòng rộng lớn của cả hai nước, có thể trở thành điểm tựa vững chắc cho Việt Nam và Lào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Do điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và Lào có nhiều điểm tương đồng, lại vừa có những nét khác biệt, trong hoàn cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày nay, hai nước hoàn toàn có thể bổ sung cho nhau bằng tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước về vị trí địa lý, tài nguyên, nguồn nhân lực, thị trường cũng như sự phân vùng kinh tế và phân công lao động hợp lý để hợp tác cùng phát triển.

- Nhân dân hai nước giàu lòng nhân ái, bao dung và văn hóa của hai dân tộc có nhiều nét tương đồng

Việt Nam và Lào đều là những quốc gia đa dân tộc, có lịch sử phát triển lâu đời trên bán đảo Đông Dương. Quá trình cộng cư, hoặc sinh sống xen cài của những cư dân Việt Nam và cư dân Lào trên địa bàn biên giới của hai nước đã phản ánh sinh động, liên tục mối quan hệ cộng nguồn và quan hệ tiếp xúc từ xa xưa của nhân dân hai nước.

Huyền thoại khởi nguyên về quả bầu mẹ đã trở thành biểu tượng cao đẹp về nguồn gốc chung và tình đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc hai bên dãy Trường Sơn. Cho đến nay, các dân tộc anh em sống ở khu vực biên giới hai nước vẫn còn nuôi dưỡng niềm tự hào và truyền mãi cho nhau những câu chuyện về đạo lý làm người vô cùng sâu sắc mà ông bà xưa để lại.

Sự hài hòa giữa lòng nhân ái và tinh thần cộng đồng là một nét đặc sắc trong triết lý nhân sinh người Việt Nam cũng như người Lào. Ngạn ngữ Lào có câu: “Nói hợp lòng thì xin ăn cho cũng chả tiếc, nói trái ý thì dẫu xin mua cũng chẳng bán” (Vầu thực khọ, khỏ kin cò bò thi (bò khi thi), vầu bò thực khọ khỏ xừ cò bò khải). Đó cũng là những tình cảm bình dị nhưng chân thành mà người dân nước Việt dành cho người bạn láng giềng của mình, còn được lưu lại trong thư tịch cổ: “người Lào thuần

hậu chất phác”[1], trong giao dịch buôn bán thì “họ vui lòng đổi chác”[2].

Mặc dầu Việt Nam và Lào có tiếng nói, văn tự không giống nhau, sáng tạo và lựa chọn các nền văn hóa cũng như các hình thức tổ chức chính trị - xã hội khác nhau, nhưng những nét tương đồng thì vẫn thấy phổ biến trong muôn mặt đời sống hàng ngày của cư dân Việt Nam và Lào. Các nền văn hóa nghệ thuật truyền thống của Việt Nam và Lào dễ dàng tìm thấy sự đồng cảm lẫn nhau, chia sẻ tâm hồn chung về các giá trị cộng đồng, coi trọng luật tục, tôn kính người già...

Sự tương đồng giữa văn hóa làng - nước của người Việt và văn hóa bản - mường của người Lào bắt nguồn từ chính nền tảng chung của văn minh nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á. Nhờ lòng nhân ái bao la và đời sống tâm linh phong phú, trong đó có những ảnh hưởng sâu đậm của đạo Phật mà trong cách đối nhân xử thế của mình, nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào bao giờ cũng nêu cao những phẩm chất yêu thương và hướng thiện.

- Nhân dân hai nước có truyền thống bang giao hòa hiếu, cru mang đùm bọc lẫn nhau từ lâu đời, cuối thế kỷ XIX cùng bị thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị tàn bạo

Trong thời kỳ phong kiến, đặc điểm nổi bật về quan hệ giữa nhân dân hai nước và mỗi bang giao giữa các triều đại là thân thiện, hữu hảo. Giữa hai dân tộc không có sự áp bức và nô dịch nhau, không có hiềm khích và thù hằn nhau; mặt khác, nhân dân hai nước lại có cả ngàn năm giúp đỡ, che chở lẫn nhau, là láng giềng chí cốt của nhau.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách đô hộ lên Việt Nam (1883), Campuchia (1863) và Lào (1893). Việc thực dân Pháp sáp nhập cưỡng bức ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia vốn có nền văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục tập quán khác nhau thành một thực thể “Đông Dương thuộc Pháp”, chẳng những hủy bỏ tính chất quốc gia của mỗi nước, mà còn biến Đông Dương trở thành một địa bàn chia rẽ sâu sắc giữa các dân tộc.

Một mặt, thực dân Pháp tìm mọi cách thực hiện âm mưu “chia để trị” trong nội bộ từng nước và giữa ba nước Đông Dương với nhau; gây thù hằn và chống đối giữa Việt Nam với Lào, Lào với Việt Nam, hòng xuyên tạc và phá hoại tình hữu nghị truyền thống Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Mặt khác, về khách quan, Đông Dương biến đổi thành một đơn vị hoàn toàn mới, có những mối ràng buộc chặt chẽ về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa,... và vì thế, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia nhất định có tác động, ảnh hưởng mật thiết lẫn nhau.

Do có cùng một kẻ thù và chung một cảnh ngộ bị xâm lược và áp bức, phát huy truyền thống đoàn kết hữu nghị sẵn có, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia dễ dàng đồng cảm, liên kết tự nhiên với nhau và tự nguyện phối hợp với nhau trong một vận mệnh chung đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do.

Từ phong trào Cần Vương dưới ngọn cờ yêu nước của Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết (tháng 7 năm 1885) đến những năm 20 thế kỷ XX, diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa và các hoạt động đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Nhiều phong trào trong số đó nhận được sự ủng hộ giúp đỡ của nhân dân Lào tại vùng sát biên giới Lào - Việt, chạy dài từ Hạ Lào, Trung Lào lên Thượng Lào. Đặc biệt, trong những năm đầu thế kỷ XX, cuộc khởi nghĩa Hạ Lào do Ông Kẹo và Ông Cômmadăm lãnh đạo

(1901- 1937) phối hợp với nghĩa quân dân tộc Xôđăng ở Tây Nguyên (Việt Nam); phong trào chống Pháp của người Mông ở Tây Bắc Việt Nam do Châu Phạpátchây lãnh đạo (1918 - 1922) lan rộng trên địa bàn nhiều tỉnh biên giới hai nước thuộc Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam, gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại.

Tuy các phong trào trên đều bị chính quyền thực dân đàn áp, dập tắt, song mối quan hệ giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào trong những năm đầu chống sự xâm lược và ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp cho thấy nhận thức của hai dân tộc về xây dựng khối đoàn kết đấu tranh trở nên một nhu cầu tất yếu khách quan. Việc xác định con đường cứu nước đúng đắn và xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc trên bán đảo Đông Dương là những nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước và cách mạng tại xứ này.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm xác định con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và dân tộc Lào

Trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX, chính Nguyễn Ái Quốc (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này), với lòng yêu nước nồng nàn và nghị lực phi thường, vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, đã tự mình khám phá thế giới tư bản chủ nghĩa và các dân tộc thuộc địa, nhằm phát hiện chân lý cứu nước. Người tiếp nhận và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Đông Dương để xác định con đường giải phóng các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia theo quỹ đạo cách mạng vô sản.

Trong quá trình tìm đường cứu nước của mình, Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm đến tình hình Lào. Người không chỉ lên án chế độ thực dân Pháp nói chung mà còn tố cáo cụ thể sự tàn bạo của thực dân Pháp ở Lào[3]. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - một trong những tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp sáng lập vào tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc), đến tháng 2 năm 1927, Hội này gây dựng được cơ sở tại Lào.

Thông qua hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Lào, Nguyễn Ái Quốc thấy đây là điều kiện thuận lợi để người Việt Nam vừa tham gia cuộc vận động cứu nước tại Lào, vừa sát cánh cùng nhân dân Lào xây dựng mối quan hệ đoàn kết khăng khít giữa Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã lập Hội Ái hữu, Hội Việt kiều yêu nước, mở các lớp huấn luyện cách mạng trên đất Lào. Trên thực tế, từ nửa sau những năm 20 thế kỷ XX, Lào là một đầu cầu trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cứu nước mới của Nguyễn Ái Quốc vào Đông Dương.

Năm 1928, đích thân Người bí mật tổ chức khảo sát thực địa tại Lào[4] càng cho thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào. Cũng trong năm này, chi bộ Thanh niên cộng sản đầu tiên được thành lập tại Viêng Chăn, đồng thời đường dây liên lạc giữa nhiều thị trấn ở Lào với Việt Nam được tổ chức.

Như vậy, Lào trở thành địa bàn đầu tiên trên hành trình trở về Đông Dương của Nguyễn Ái Quốc, nơi bổ sung những cơ sở thực tiễn mới cho công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức của Người về phong trào giải phóng dân tộc ở ba nước Đông Dương. Quá trình Nguyễn Ái Quốc đặt nền móng cho quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam báo hiệu bước ngoặt lịch sử trọng đại sắp tới của cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng Lào.

II. ĐOÀN KẾT ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ THUỘC ĐỊA (1930-1939)

Cuối những năm 20 thế kỷ XX, do kết quả trực tiếp của quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng giải phóng dân tộc của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cùng với sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, những điều kiện khách quan và chủ quan cho việc thành lập Đảng của giai cấp công nhân ở Đông Dương, trước hết là ở Việt Nam, đã chín muồi.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Hội nghị thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã thảo luận và thông qua các văn kiện Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Hội nghị xác định rõ con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là thực hiện quyền độc lập dân tộc, quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, đóng vai trò lãnh đạo cách mạng. Hội nghị chủ trương kết hợp tinh thần yêu nước chân chính kết với tinh thần quốc tế trong sáng.

Hai nước Việt Nam và Lào có cùng hoàn cảnh lịch sử bị thực dân Pháp thống trị, có cùng mục tiêu và khát vọng độc lập, tự do, nên con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam theo tư tưởng Nguyễn Ái Quốc được Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua, cũng là con đường phù hợp, chứa đựng những giải pháp giải phóng dân tộc Lào khỏi ách nô lệ, đưa đất nước Lào đến thịnh vượng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trọng đại, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về lý luận, đường lối và lực lượng lãnh đạo phong trào đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, đồng thời, thúc đẩy phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Lào chuyển biến theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương mở đầu những trang sử vẻ vang của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Tháng 10 năm 1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết nghị đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; thảo luận và thông qua Luận cương chánh trị, Án nghị quyết về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng cùng các văn kiện quan trọng khác.

Luận cương chánh trị và các văn kiện được Hội nghị thông qua xác định: cách mạng Đông Dương trong lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, sau đó bỏ qua thời kỳ tư bản “tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”[5]; vấn đề cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là chống đế quốc và chống phong kiến; giai cấp vô sản và giai cấp nông dân là hai động lực chính; cách mạng Đông Dương phải liên hệ mật thiết với cách mạng vô sản thế giới; cách mạng Đông Dương muốn giành được thắng lợi phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu lãnh đạo.

Với những văn kiện trên, nhất là Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, Hội nghị đã xác lập các nguyên tắc, phương hướng, đường lối chính trị

và những nhiệm vụ cơ bản cho phong trào cách mạng của ba dân tộc ở Đông Dương. Hội nghị đã đặt phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như xác định cụ thể, toàn diện hơn về mặt lý luận cho mối quan hệ giữa phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng Lào.

Trong suốt quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương còn đề ra những chủ trương và giải pháp cụ thể chỉ đạo các cấp bộ Đảng và phong trào cách mạng Đông Dương cũng như tăng cường sự quan hệ mật thiết, nương tựa lẫn nhau của hai dân tộc Việt Nam và Lào trên hành trình đấu tranh giành tự do, độc lập cho mỗi dân tộc.

Từ giữa năm 1930, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam bùng lan trong cả nước, đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Do sự cận kề về mặt địa lý, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhanh chóng tác động và ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Lào.

Các chi bộ Đảng và đoàn thể quần chúng ở Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh với nhiều hình thức đòi tăng lương, giảm giờ làm, phản đối nhà trường đuổi một số học sinh, phản đối chủ mỏ sa thải công nhân, đòi giảm thuế và chống chính sách ngược đãi của nhà cầm quyền, ủng hộ phong trào cách mạng Việt Nam, chống âm mưu địch gây thù hằn và kỳ thị giữa người Việt và người Lào....

Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của công nhân bên tàu Viêng Chăn, công nhân mỏ Bò Nèng, Phôn Tịu (tỉnh Khăm Muộn), của chị em buôn bán nhỏ ở chợ Viêng Chăn... đòi tăng lương, giảm giờ làm và phản đối chủ mỏ sa thải công nhân, đòi giảm thuế và chống chính sách ngược đãi của nhà cầm quyền (cuối năm 1930); các cuộc đình công, đòi tăng lương và ủng hộ phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (Việt Nam) của công nhân Lào làm đường Lạc Sao, các cuộc rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm do các tổ chức cách mạng ở Viêng Chăn, ở các đô thị gần trục giao thông quốc lộ 13 ven sông Mê Kông...(năm 1931); cuộc bãi thị đòi giảm thuế và phản đối sự ngược đãi của nhà chức trách của chị em buôn bán nhỏ ở chợ Viêng Chăn, đấu tranh phản đối nhà trường đuổi một số học sinh của chi bộ đoàn thanh niên cộng sản trường tiểu học Pháp - Việt ở Viêng Chăn (năm 1933); các cuộc đấu tranh của công nhân mỏ Phôn Tịu, công nhân trường kỹ nghệ thực hành Viêng Chăn, thợ nghề kéo xe bò, công nhân xưởng dệt Kaphạ ở Viêng Chăn, công nhân làm đường 13, đường 9, công nhân vận tải thủy (năm 1934) ...

Cùng với các cuộc đấu tranh của công nhân, tiểu thương, nông dân trong nhiều tỉnh của Lào đã tiến hành đấu tranh chống sưu. Trong các cuộc đấu tranh đó, những người Việt sinh sống ở Lào đã tích cực tham gia, sát cánh cùng nhân dân Lào.

Từ trong phong trào đấu tranh của nhân dân Lào, nhiều người con ưu tú của nhân dân Lào như các đồng chí Khăm Xêng Xivilay, Xavát Phiukháo (Xú lin), Thítphủi Banchông, Phănđi... được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trên cơ sở sự phát triển của tổ chức Đảng ở Lào, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời Ai Lao (tức Xứ uỷ lâm thời Ai Lao) được thành lập vào tháng 9 năm 1934. Sự ra đời của Xứ uỷ Ai Lao là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào, khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Lào đối với cách mạng Lào cũng như đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ giữa phong trào cách mạng hai nước Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Tháng 3 năm 1935, Đại hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra. Đại hội nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên hợp mật thiết các dân tộc Đông Dương để chống kẻ thù chung trên cơ sở lấy nguyên tắc chân thật, tự do và bình đẳng cách mạng làm căn bản. Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất đánh dấu sự khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng trong xứ, thúc đẩy nhân dân hai nước Việt Nam - Lào đoàn kết đấu tranh chống chế độ thuộc địa.

Sau Đại hội Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào mang một sức sống mới và ngày càng gắn bó. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do hành động đàn áp của chính quyền thuộc địa, công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Lào vẫn ủng hộ phong trào cách mạng Việt Nam bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, như gửi tiền ủng hộ báo Đồi Nây của những người Cộng sản ở miền Bắc Việt Nam. Trong các cuộc đấu tranh ở các khu mỏ, ở công trường làm đường số 9, số 13, ở trường kỹ nghệ thực hành Viêng Chăn..., công nhân mỏ, học sinh và binh lính người Việt đã đoàn kết cùng công nhân, học sinh và binh lính người Lào đấu tranh là những hình ảnh đẹp về mối liên hệ mật thiết giữa những người lao động hai dân tộc.

Có thể nói, trong những năm 1930-1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và Lào đã ảnh hưởng lẫn nhau, góp phần thúc đẩy sự phát triển phong trào cách mạng mỗi nước. Sự đoàn kết đấu tranh trong thời gian này là cơ sở để nhân dân 2 nước Việt Nam - Lào tiếp tục nương dựa lẫn nhau, cùng phối hợp đấu tranh tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở mỗi nước.

III. GIÚP NHAU ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1939 - 1945)

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào, ra sức vơ vét sức người sức của ở Đông Dương phục vụ chiến tranh đế quốc.

Trước sự tồn vong của vận mệnh các dân tộc Đông Dương, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liên tiếp tổ chức các cuộc hội nghị quan trọng để bàn chủ trương và biện pháp lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân đi đến thắng lợi. Đặc biệt, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5- 1941 diễn ra ở tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng trước tiên của cách mạng Đông Dương, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước và thành lập ở mỗi nước một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Hội nghị khẳng định: Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật thì các dân tộc sẽ tùy theo ý muốn có thể tổ chức thành liên bang cộng hoà dân chủ hoặc đứng riêng thành một quốc gia dân tộc và “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”[6].

Những chủ trương đúng đắn trên đây của Đảng Cộng sản Đông Dương đã dẫn đường cho nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào phát huy mạnh mẽ tinh thần độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh của mỗi dân tộc, đồng thời tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân 2 nước cùng tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật.

Tại Lào, từ năm 1940, khi phong trào cách mạng gặp khó khăn, bị địch khủng

bộ, một số sĩ quan, cảnh sát, trí thức và công chức người Lào có tinh thần dân tộc lánh sang Thái Lan, tìm đường liên lạc với Đồng minh chống Nhật, Pháp. Họ liên lạc với tổ chức Việt kiều ở Thái Lan để hoạt động.

Bên cạnh sự hoạt động của lực lượng Lào yêu nước, bộ phận Việt kiều tại Lào cũng đẩy mạnh hoạt động phối hợp với nhân dân Lào đấu tranh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc ở Việt Nam và Lào. Từ năm 1943, “Ban vận động Việt kiều Lào - Thái” được thành lập và nhanh chóng tiến hành gây dựng cơ sở trên địa bàn Lào. Đến năm 1944, Ban Vận động Việt kiều chuyển thành Hội Việt kiều cứu quốc. Để thống nhất việc chỉ đạo phong trào cách mạng, phát triển lực lượng cách mạng, những đồng chí trung kiên trong Hội Việt kiều cứu quốc thành lập Đội Tiên phong[7] để chỉ đạo phong trào cách mạng ở Lào. Đội Tiên phong làm nhiệm vụ và đóng vai trò của Xứ uỷ lâm thời Ai Lao.

Dưới sự lãnh đạo của Đội Tiên phong, các chi bộ Đảng ở Viêng Chăn, Bò Nèng, Thà Khéc, Savannakhet lần lượt được củng cố. Phong trào yêu nước trong học sinh, viên chức Lào được nhen nhóm, phong trào yêu nước của Việt kiều ở hai bên bờ sông Mê Kông phát triển mạnh. Đầu năm 1945, “Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào” - một chi nhánh của Mặt trận Việt Minh được thành lập nhằm hưởng ứng và tham gia công cuộc giành độc lập của xứ sở.

Trong khi phong trào đấu tranh của nhân dân 2 dân tộc Việt Nam và Lào đang phát triển mạnh mẽ thì ngày 9-3-1945, phát xít Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật Pháp, độc chiếm Đông Dương. Chúng thực thi các chính sách cai trị thâm độc và tàn bạo ở cả Việt Nam và Lào. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp và sau đó ban hành Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển rất mạnh mẽ ở Việt Nam đã tác động và hỗ trợ tích cực, mạnh mẽ các lực lượng yêu nước Lào đấu tranh giành độc lập.

Tại Lào, sau ngày đảo chính lật Pháp, phát xít Nhật vẫn duy trì bộ máy thống trị cũ của thực dân Pháp, chỉ thay thế vị trí các quan chức người Pháp trước đây bằng các võ quan Nhật. Chúng kích động tinh thần dân tộc hẹp hòi, tuyên truyền thuyết Đại Đông Á của Nhật để chia rẽ nhân dân Lào với nhân dân các nước Đông Dương. Chúng tiến hành vơ vét sức người, sức của ở Lào để phục vụ việc kéo dài chiến tranh xâm lược. Các tầng lớp nhân dân Lào ngày càng nhận rõ bộ mặt thật của quân phát xít Nhật, muốn vùng lên đánh đổ chúng, giành lại độc lập dân tộc. Bộ phận Việt kiều cũng đẩy mạnh hoạt động cùng nhân dân Lào gấp rút chuẩn bị mọi mặt tiến tới mục tiêu khởi nghĩa giành chính quyền.

Thực hiện chủ trương của Đội Tiên phong, “Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào” nhanh chóng xây dựng và củng cố các chiến khu ở các tỉnh Sacon Nakhon, Nakhon Phanôm, Nong Khai, Muecdahán (Thái Lan) để huấn luyện quân sự nam nữ thanh niên, cấp tốc xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Lào. Một chi bộ Đảng cùng các đoàn thể Việt kiều cứu quốc được thành lập tại Viêng Chăn.

Cũng từ sau ngày Nhật đảo chính, nhiều tổ chức chính trị khác nhau hình thành để mưu cầu nền độc lập cho dân tộc Lào.

Vào tháng 4 năm 1945, tại Thái Lan, nhóm người Lào đang hoạt động tại đây

thành lập tổ chức “Lào Ítxala” (Lào tự do). Tổ chức này tập hợp các công chức, học sinh có tinh thần yêu nước, chủ trương dựa vào phe Đồng Minh chống Nhật để giành độc lập.

Tháng 5 năm 1945, một tổ chức yêu nước khác của người Lào cũng ra đời là “Lào pên Lào” (Nước Lào của người Lào), gọi tắt là “Lopolo”, gồm những công chức, trí thức, sĩ quan người Lào tập hợp nhau để đấu tranh giành độc lập cho Lào.

Đội Tiên phong, Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào đã tiến hành liên hệ với các tổ chức “Lào Ítxala” và “Lào pên Lào” để bàn việc phối hợp hoạt động, thu hút và tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự cho thanh niên Lào - Việt.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào đang phát triển vô cùng mạnh mẽ thì một sự kiện quan trọng diễn ra: Nhật Bản đầu hàng Đồng minh vô điều kiện vào ngày 14- 8 -1945. Lực lượng quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã, các chính quyền tay sai của Nhật ở Việt Nam và ở Lào hoàn toàn bị tê liệt tạo cơ hội ngàn năm có một cho nhân dân Đông Dương vùng lên giành độc lập.

Trong thời điểm lịch sử đó, Hội nghị của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 14 đến 15 tháng 8 năm 1945 tại tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam) phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ở Việt Nam, cuộc Tổng khởi nghĩa diễn ra sôi động và kết thúc thắng lợi hoàn toàn trên cả nước trong vòng 15 ngày. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập trịnh trọng tuyên bố với nhân dân cả nước và thế giới khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã đập tan bộ máy thống trị đầu não của phát xít Nhật và thực dân Pháp ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Lào.

Tuy nhiên, ở Lào tình hình diễn biến rất phức tạp. Các lực lượng cách mạng yêu nước chủ yếu mới được xây dựng và phát triển ở một số thành phố, thị trấn dọc sông Mê Kông. Mặt khác, trong chính giới Lào cũng còn nhiều khuynh hướng khác nhau về con đường giành độc lập cho đất nước Lào. Trong khi đó, thực dân Pháp đã hiện diện trên đất Lào, đang ráo riết chuẩn bị lực lượng trở lại thay thế Nhật. Núp dưới danh nghĩa Đồng minh, thực dân Pháp còn cho người liên lạc với Hoàng thân Phếtxarạt để thương lượng cho thực dân Pháp được tiến vào Viêng Chăn.

Trong hoàn cảnh đó, Xứ uỷ Ai Lao nhanh chóng lập Ban chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn và đề ra chủ trương phải hết sức khẩn trương võ trang cho Việt Kiều để có đủ sức mạnh đối phó với địch, rồi cùng toàn thể nhân dân Lào vùng dậy giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và đánh đuổi quân Pháp nếu chúng trở lại. Ban chỉ đạo chủ trương phải tranh thủ cho được chính giới Lào, nhất là những người tiến bộ trong chính quyền, cảnh sát, bảo an... tuyên truyền cho họ thấy rõ không có con đường nào khác là phải đấu tranh võ trang giải phóng đất nước; xúc tiến vận động Hoàng thân Phếtxarạt cho phép Việt Kiều được tổ chức lại nhằm bảo vệ tính mạng tài sản của mình, đồng thời góp sức cùng nhân dân Lào đứng dậy giành độc lập, chống xâm lăng.

Ban chỉ đạo còn tập hợp Đoàn thanh niên Việt kiều cứu quốc làm lực lượng xung kích, tổ chức động viên các tầng lớp Việt kiều cùng với những người yêu nước Lào hăng hái tham gia các hoạt động cách mạng; tiến hành tiếp xúc với Uỷ ban Lào

pên Lào ở Viêng Chăn để thống nhất hành động. Ban chỉ đạo và chi bộ Đảng ở Viêng Chăn còn cử người vào lãnh đạo cuộc thắng lợi đấu tranh của hơn 500 công nhân xưởng dệt Kappa đòi Nhật giao nhà máy cho Lào và trả nợ lương cho công nhân.

Trước những hoạt động của Ban chỉ đạo khởi nghĩa, các chính giới Lào nhận rõ thật tâm đoàn kết của Việt kiều đối với Lào. Ủy ban Lào pên Lào và tỉnh trưởng Viêng Chăn là Khăm Mạo rất tích cực phối hợp với Ban chỉ đạo khởi nghĩa, vận động lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an đi theo cách mạng, tổ chức đội bảo an hỗn hợp Lào - Việt để tự vệ. Nhờ sự vận động tích cực của tỉnh trưởng Viêng Chăn, Ban chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn, Hoàng thân Phếtxarat đã đồng ý cho Việt kiều được tổ chức các đội tự vệ để giữ gìn trật tự trị an; cho phép Hội Việt kiều cứu quốc được hoạt động công khai.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại khu vực chợ Mới có đông đảo nhân dân Lào và Việt kiều tham gia. Ông Khăm Mạo thay mặt Chính phủ Vương quốc và Ủy ban Lao pên Lao Viêng Chăn tuyên bố Việt kiều được quyền tổ chức các đội tự vệ; kêu gọi Việt kiều đoàn kết với nhân dân Lào, giúp đỡ Chính phủ Lào, cùng nhau chống Pháp, giành độc lập dân tộc cho hai nước. Cuộc mít tinh đã tăng cường lòng tin và tình đoàn kết Lào - Việt Nam, làm cho các lực lượng Việt kiều và lực lượng Lào yêu nước càng gắn bó.

Cuộc mít tinh ngày 23 tháng 8 năm 1945 đánh dấu cuộc khởi nghĩa Viêng Chăn giành được thắng lợi mà không tốn xương máu. Đó là do có sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời và khôn khéo của Xứ uỷ Ai Lao mà trực tiếp là Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã phát huy được sức mạnh đoàn kết của các lực lượng yêu nước Lào - Việt, đặc biệt là đông đảo Việt kiều ở Viêng Chăn; tranh thủ được sự ủng hộ của chính giới Lào, kể cả những người trong chính quyền Vương quốc. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Viêng Chăn đã thúc đẩy và tạo điều kiện cho các địa phương khác trên đất Lào đứng lên khởi nghĩa thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám-1945 ở Việt Nam và khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Lào diễn ra gần như đồng thời và đều ít đổ máu, minh chứng cho sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, thể hiện rõ tính hiệu quả của tình đoàn kết đấu tranh của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào, mở ra kỷ nguyên mới về quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Lào - Việt Nam cùng đoàn kết giúp đỡ nhau vì những mục tiêu chung của cả hai dân tộc.

Nhận rõ tầm quan trọng của mối quan hệ hai dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đại diện của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đến Lào để xác lập quan hệ với Chính phủ Lào. Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Hoàng thân Xuphanuvông đang ở Vinh ra Hà Nội và tiếp Hoàng thân vào ngày 4 tháng 9 năm 1945. Cuộc gặp gỡ đã có tác động mạnh mẽ, quyết định đối với Hoàng thân trong việc chọn lựa con đường làm cách mạng.

Ngày 3-10-1945, tại cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân tỉnh Savannakhet đón chào Hoàng thân Xuphanuvông trở về tham gia chính phủ Lào, Hoàng thân tuyên bố: “Quan hệ Lào - Việt từ nay sẽ mở ra một kỷ nguyên mới...”. Hình ảnh, uy tín, quyết tâm làm cách mạng, cứu nước và những lời nói tốt đẹp của Hoàng thân về quan hệ Lào - Việt đã tác động lớn lao đến sự hưởng ứng, tham gia cách mạng của các tầng lớp nhân dân Lào, càng tạo thêm chất keo gắn kết tình cảm của nhân dân Lào với Việt kiều cũng như với Việt Nam.

Sau khi khởi nghĩa ở Lào giành thắng lợi, Việt kiều và nhân dân Lào ở Viêng Chăn phát động phong trào quyên góp, mua sắm vũ khí, rèn giáo mác rất sôi nổi; tổ chức tuần tra canh gác các ngã đường, khu phố, làng bản, giữ gìn trật tự, trị an, ngăn ngừa trộm cướp, cảnh giới đối với quân Pháp đang lăm le tấn công vào thành phố.

Được sự giúp đỡ của Ban chỉ đạo khởi nghĩa ở Viêng Chăn, sau một thời gian hiệp thương, hai tổ chức yêu nước là Hội “Lào pên Lào” và tổ chức “Lào Ítxalạ” đã hợp nhất thành lập Ủy ban khởi sự (Khana Phu co kan), gấp rút tiến hành thành lập Chính phủ Trung ương và dự thảo Hiến pháp tạm thời.

Sáng ngày 12 tháng 10 năm 1945, trong cuộc mít tinh lớn tại sân vận động thành phố Viêng Chăn, Chính phủ Lào Ítxalạ vừa được thành lập đã làm lễ ra mắt và trình trọng tuyên bố trước toàn thể nhân dân nền độc lập của quốc gia Lào. Hàng vạn nhân dân Lào, gồm công nhân, nông dân, học sinh, thanh niên, viên chức, người buôn bán và Việt kiều tham gia cuộc mít tinh đã phất khởi hô vang các khẩu hiệu hoan nghênh nền độc lập của Lào, hoan nghênh Chính phủ mới, cổ súy tinh thần Lào - Việt đoàn kết. Chính phủ Lào chủ trương: “Nhân dân Lào thân thiện với nhân dân Việt Nam và quyết tâm cùng nhân dân Việt Nam đánh đuổi bọn thực dân Pháp ra khỏi Đông Dương”[8]. Thủ tướng Khăm Mạo tuyên bố với Việt kiều: “mong rằng ba nước Việt, Miên, Lào bắt tay nhau để kiến thiết quốc gia”[9].

Giai đoạn 1930-1945 là thời kỳ nhân dân hai nước Việt Nam và Lào nương tựa lẫn nhau trong quá trình đấu tranh giành độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Mọi quan hệ đó đó xuất phát từ những điều kiện về địa lý, chính trị, kinh tế, văn hoá, đặc biệt từ yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mang bản chất quốc tế vô sản, mang lại hiệu quả rõ rệt.

Trong tiến trình lịch sử đó, bộ phận nhân sĩ, trí thức tiến bộ và các tầng lớp nhân dân Lào có vai trò quyết định quá trình phát triển của phong trào cách mạng Lào cũng như trong việc duy trì và phát triển mối quan hệ giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào. Người Việt ở Lào là một lực lượng tích cực trong phong trào cách mạng Lào và là nhân tố quan trọng xây đắp mối quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc.

Sự ra đời của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 2 tháng 9 năm 1945) và Chính phủ Lào Ítxalạ (ngày 12 tháng 10 năm 1945) cùng những mong muốn của hai bên về xây dựng mối quan hệ hoàn hảo và vững chãi hơn trước là một trong những cơ sở đưa tình đoàn kết, giúp đỡ nhau lên tầm liên minh chiến đấu.

CHƯƠNG II

LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM – LÀO, LÀO- VIỆT NAM TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG (1945-1975)

I. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954).

Sau khi giành lại được chính quyền, nhân dân hai nước Việt Nam, Lào hơn lúc nào hết, chỉ mong muốn được sống trong hòa bình, tiếp tục hợp tác, cùng nhau bảo vệ nền độc lập và xây dựng lại đất nước. Chính phủ hai nước đã ký Hiệp ước tương trợ Lào – Việt [10] và Hiệp định về tổ chức Liên quân Lào - Việt[11], đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho sự hợp tác giúp đỡ và liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung của hai

dân tộc Việt - Lào.

Bất chấp nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào, thực dân Pháp ngang nhiên gây chiến tranh hòng áp đặt lại ách thống trị của chúng ở Đông Dương. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương luôn nêu cao thiện chí, tìm mọi cách ngăn chặn chiến tranh, nhưng thực dân Pháp hiếu chiến vẫn lần tới, quyết chiếm lại Đông Dương.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được sự đồng lõa của quân Anh, nổ súng đánh chiếm thành phố Sài Gòn. Tiếp đó, chúng mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ, Nam Trung Bộ của Việt Nam, sang Campuchia, Hạ Lào, rồi toàn cõi Đông Dương.

Trước nguy cơ tồn vong nền độc lập dân tộc của ba nước Việt Nam – Lào - Campuchia, ngày 25-11-1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc để chỉ đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc của ba nước Đông Dương. Chỉ thị chủ trương: “Thống nhất mặt trận Việt- Miên- Lào chống Pháp xâm lược” và nêu rõ nhiệm vụ: “Tăng cường công tác vũ trang tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân ở thôn quê, làm cho mặt trận kháng Pháp của Lào – Việt lan rộng và chiến tranh du kích nảy nở ở thôn quê, đặng bao vây lại quân Pháp ở nơi sào huyệt của chúng và quét sạch chúng khỏi đất Lào”[12].

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc của Đảng đã xác định những nét cơ bản về đường lối, chủ trương kháng chiến chống thực dân Pháp dựa trên cơ sở liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Campuchia.

Theo tinh thần đó, quân và dân các địa phương vùng giáp ranh biên giới Việt Nam – Lào phối hợp đánh quân Pháp ở nhiều nơi. Ủy ban Kháng chiến hành chính và Bộ chỉ huy Chiến khu 4[13] (Việt Nam) thành lập Ban chỉ huy các mặt trận đường 8, đường 9 và cử một số đơn vị phối hợp với bộ đội Lào, vừa đánh địch ở Na Pê, Xê Pôn, huyện lỵ Căm Cốt... , vừa làm công tác tuyên truyền, vận động nhân dân gây dựng cơ sở, lực lượng kháng chiến. Hội Việt kiều cứu quốc ở các tỉnh, thành phố của Lào động viên, kêu gọi thanh niên tích cực gia nhập lực lượng Liên quân Lào- Việt. Chỉ trong một thời gian ngắn, Liên quân Lào- Việt được thành lập ở nhiều nơi, trở thành lực lượng vũ trang cách mạng, hăng hái chiến đấu chống quân xâm lược.

Tiêu biểu cho tình đoàn kết và liên minh chiến đấu của Liên quân Lào- Việt trong năm đầu của cuộc kháng chiến là trận chiến đấu bảo vệ Thà Khếch ngày 21 tháng 3 năm 1946. Đây là trận đánh lớn nhất của Liên quân Lào – Việt kể từ ngày thành lập, đã nêu một tấm gương sáng ngời về lòng dũng cảm, một biểu tượng cao đẹp về tình đoàn kết, gắn bó keo sơn giữa quân và dân hai nước Việt Nam – Lào. Tinh thần chiến đấu và sự hy sinh của cán bộ, chiến sĩ Liên quân Lào- Việt, trong đó có chiến sĩ Việt Nam Lê Thiệu Huy đã “nhắc nhở cho thanh niên Lào, cho nhân dân Lào, luôn luôn bền bỉ chiến đấu để giết đế quốc xâm lăng và giành độc lập thực sự cho đất nước”[14].

Trước sức tiến công ồ ạt của quân Pháp, đại diện Chính phủ hai nước Việt Nam, Lào đã thống nhất chủ trương vừa chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, ngăn cản bước tiến của chúng, vừa chủ động tổ chức cho nhân dân Lào và Việt kiều di tản ra khỏi thành phố. Để bảo toàn lực lượng, đầu tháng 4 -1946, một bộ phận các cơ quan của Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxalạ được chuyển lên Luông Pha bang, đồng thời các lực lượng vũ trang cách mạng Lào và Việt kiều chuyển hướng về vùng nông

thôn, rừng núi hoạt động, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Từ giữa năm 1946, sau khi quân Pháp chiếm lại một số tỉnh ở bắc vĩ tuyến 16 của Lào, các lực lượng kháng chiến Lào chuyển sang phía Đông tiến hành chiến tranh du kích. Được Ủy ban Kháng chiến hành chính Chiến khu 4 (Việt Nam) giúp đỡ, Hội nghị cán bộ các tỉnh Savannakhet, Khăm Muộn, Xiêng Khoảng và Hủa Phăn họp tại Vinh, tỉnh Nghệ An (10-1946) để thống nhất lực lượng và hành động. Hội nghị đã quyết định thành lập Ủy ban giải phóng Đông Lào[15] để chỉ đạo cuộc đấu tranh tại vùng Đông Lào và đề ra phương hướng đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở chính trị, củng cố các lực lượng vũ trang cách mạng Lào, phát triển chiến tranh du kích chống thực dân Pháp và tay sai.

Đáp ứng yêu cầu của cách mạng Lào, Bộ Tư lệnh Chiến khu 4 (Việt Nam) đã cử một số cán bộ và đơn vị sang phối hợp, hỗ trợ các địa phương ở Đông Lào xây dựng cơ sở kháng chiến. Đầu năm 1947, Khu ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính Chiến khu 4 thành lập Phòng Biên chính làm nhiệm vụ giúp Ủy ban giải phóng Đông Lào củng cố, phát triển các lực lượng cách mạng và yêu nước Lào. Nhiều tỉnh thuộc Chiến khu 4 cũng tổ chức Ban Biên chính để liên hệ, phối hợp và giúp đỡ các địa phương Lào kề cận đẩy mạnh đấu tranh. Đồng thời, lực lượng vũ trang các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị phối hợp chặt chẽ với bộ đội Lào tăng cường hoạt động gây cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở biên giới, tạo chỗ đứng chân để tuyên truyền, vận động nhân dân các bộ tộc Lào ủng hộ và tham gia kháng chiến.

Bằng mọi sự nỗ lực, các lực lượng vũ trang Việt – Lào đã từng bước tạo dựng được niềm tin trong nhân dân, xây dựng thêm nhiều cơ sở kháng chiến và mở rộng địa bàn hoạt động ra khắp các tỉnh của Đông Lào.

Quán triệt tinh thần Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng (1.1948) về những chủ trương mới và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam đối với cách mạng Lào, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và Bộ Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam quyết định tăng cường lực lượng sang phối hợp và giúp đỡ nhân dân Lào đẩy mạnh kháng chiến.

Thực hiện chủ trương trên, trong năm 1948, lãnh đạo hai nước Việt Nam, Lào đã thống nhất quyết tâm và tiến tới thành lập Mặt trận Tây Bắc Lào[16] nhằm xúc tiến việc xây dựng căn cứ địa Tây Bắc Lào, nối liền với khu Tây Bắc của Việt Nam; thành lập Ban xung phong Lào Bắc[17], để xây dựng căn cứ địa Lào Bắc vững chắc, làm chỗ dựa cho việc xây dựng và phát triển thế trận chiến tranh nhân dân; thành lập Đoàn võ trang công tác miền Tây, làm nhiệm vụ giúp cách mạng Lào ở khu vực phía nam tỉnh Hủa Phăn và phía bắc tỉnh Xiêng Khoảng và thành lập Khu Đặc biệt ở Quảng Nam (Việt Nam) để làm chỗ dựa xây dựng căn cứ ở Hạ Lào.

Hoạt động trong điều kiện vô cùng gian khổ, các lực lượng Việt Nam tham gia chiến đấu trên khắp các mặt trận Lào đã lập nhiều chiến công, góp phần tạo ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước và để lại những ấn tượng tốt đẹp về tình đoàn kết Việt – Lào.

Như vậy, trong những năm 1945-1948, liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào từng bước được hình thành, phát triển và thu được nhiều kết quả, góp phần thúc đẩy quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào gắn bó mật thiết hơn.

Vào đầu năm 1949, căn cứ vào sự phát triển của cách mạng ba nước Đông

Dương, Hội nghị cán bộ lần thứ sáu Trung ương Đảng (1.1949), quyết định “mở rộng mặt trận Lào - Miên”, trong đó nhấn mạnh yêu cầu mở rộng Mặt trận Kháng chiến Lào và Campuchia, củng cố các lực lượng Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở hai nước này, tăng cường thêm cán bộ, xây dựng và mở rộng các căn cứ ở Lào...

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về Mặt trận Lào – Miên, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam xác định nhiệm vụ hỗ trợ hai nước Lào, Campuchia giải phóng khỏi ách thực dân Pháp theo phương châm: vận động nhân dân và để cán bộ Lào, Campuchia tự đảm trách công việc; cán bộ Việt Nam chỉ làm cố vấn; thành lập quân giải phóng Lào. Theo tinh thần đó, Việt Nam đã cử nhiều cán bộ phối hợp với lực lượng kháng chiến Lào mở lớp huấn luyện quân sự và học tập chính trị. Ngày 20-1-1949, Đội Látxavông được thành lập tại vùng căn cứ Xiêng Kho (Hủa Phăn), do đồng chí Kayxôn Phômvihản làm Tổng Chỉ huy.

Sự kiện này đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng kháng chiến Lào, đồng thời khẳng định tính đúng đắn của phương châm đoàn kết, hợp tác giữa cách mạng hai nước Việt Nam và Lào.

Trước bước phát triển mới của cách mạng Lào, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (15- 6-1949) ra nghị quyết về sự giúp đỡ của Việt Nam đối với cách mạng Lào. Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc tăng cường thực hiện nhiệm vụ quốc tế ở Lào dựa trên một số nguyên tắc chủ yếu như: Thực hiện quyền dân tộc tự quyết đi đôi với đẩy mạnh đoàn kết, liên minh trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Lào; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ; củng cố, nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ máy lãnh đạo kháng chiến Lào; cán bộ, chiến sĩ Việt Nam công tác ở Lào phải phục tùng Chính phủ Lào, phải tôn trọng và đoàn kết với cán bộ Lào. Trong các hoạt động phối hợp chung, phải có sự thống nhất của lãnh đạo cả hai bên Việt Nam và Lào.

** Các quan điểm, nguyên tắc của Đảng nêu trên là những định hướng quan trọng cho sự hợp tác và hỗ trợ cách mạng Lào, góp phần quyết định tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động của cán bộ, chiến sĩ Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở chiến trường Lào.

Dựa trên những biến chuyển mới của cách mạng hai nước Việt Nam và Lào, ngày 30 tháng 10 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định các lực lượng quân sự của Việt Nam được cử làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào tổ chức thành hệ thống riêng và lấy danh nghĩa là Quân tình nguyện. Quan hệ chiến đấu giữa Quân đội Việt Nam và Quân đội Lào Ítxalá được quy định rõ theo nguyên tắc: Chỉ huy và tác chiến thì Việt Nam làm chỉ huy trưởng. Vũ trang tuyên truyền thì làm chung, phối hợp chỉ huy.

Việc xác định danh nghĩa quân tình nguyện Việt Nam tại Lào đã đánh dấu bước phát triển và trưởng thành của các lực lượng quân sự Việt Nam chiến đấu trên chiến trường Lào; đồng thời tạo cơ sở quan trọng để tăng cường quan hệ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa quân đội hai nước Việt Nam và Lào trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Căn cứ vào thực tiễn phát triển của cách mạng Lào, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba bàn về việc chuyển mạnh sang tổng phản công (21.1-3.2.1950) nhận định: Kháng chiến ở Lào đã tạo được thế và lực mới, có cơ sở chính trị, lực lượng vũ trang, có căn cứ kháng chiến và chính quyền địa phương. Để giành thắng lợi to lớn hơn nữa, Hội

ng nghị chủ trương: Đẩy mạnh cuộc kháng chiến và xây dựng cương lĩnh chính trị của cách mạng Lào; đồng thời nhấn mạnh một số yêu cầu cụ thể như: Xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, thành lập Chính phủ Kháng chiến Lào, tăng cường lực lượng vũ trang, tích cực phối hợp tác chiến với chiến trường chung, chú trọng công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên là công nông, trí thức tiên bộ người Lào...

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Đại hội Quốc dân Lào (Mặt trận Lào kháng chiến) họp từ ngày 13 đến ngày 15.8.1950, tại Tuyên Quang (Việt Nam) quyết định thành lập Chính phủ Kháng chiến Lào, lập Mặt trận dân tộc thống nhất Lào, tức Neo Lào Ítxala, do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch kiêm Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đã đề ra Cương lĩnh chính trị 12 điểm, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường đoàn kết quốc tế, trước hết là với Việt Nam và Campuchia, cùng nhau đánh đuổi kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

** Thành công của Đại hội Quốc dân Lào chứng tỏ đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương về nhiệm vụ xây dựng thực lực cách mạng Lào đã đi vào thực tiễn cuộc sống, tạo ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến ở Lào, làm cho thế và lực của cách mạng Lào được tăng cường, liên minh chiến đấu giữa hai nước Lào và Việt Nam củng cố vững chắc hơn.

Tóm lại, sự phối hợp, giúp đỡ, liên minh đoàn kết chiến đấu giữa Việt – Lào, Lào- Việt, trong những năm 1945-1950, đã góp phần đưa lại những thắng lợi căn bản cho sự nghiệp cách mạng của hai nước, tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mối quan hệ liên minh, đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào trong những năm tiếp theo của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Bước sang năm 1951, cục diện chiến tranh biến chuyển ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam, Lào và Campuchia, tạo điều kiện đưa quan hệ đoàn kết, phối hợp chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương sang một giai đoạn mới. Song, thực dân Pháp được sự trợ giúp của đế quốc Mỹ vẫn tăng cường chiến tranh, gây khó khăn cho cuộc kháng chiến ở từng nước, làm cản trở quá trình phối hợp chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp từ ngày 11 đến 19- 2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam). Đồng chí Cay xôn Phômvihản, Trưởng đoàn đại biểu Lào tham gia Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Bàn về quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa cách mạng ba nước Đông Dương, Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày trước Đại hội nhấn mạnh: Việt Nam kháng chiến, Lào, Campuchia cũng kháng chiến; thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là kẻ thù chung của cả ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia. Do đó, Việt Nam phải ra sức giúp đỡ Lào, Campuchia kháng chiến và đi đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về đường lối, nhiệm vụ chung và đề ra chủ trương xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng cách mạng, có cương lĩnh riêng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở từng nước đến thắng lợi hoàn toàn. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng Lao động Việt Nam có nghĩa vụ phối hợp và giúp đỡ các tổ chức cách mạng Lào, Campuchia xây dựng chính đảng

mácxít để lãnh đạo cuộc kháng chiến của hai nước giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Trong Đại hội, các báo cáo tập trung phân tích đặc điểm: Đông Dương là một chiến trường; làm rõ âm mưu ra sức củng cố Lào, Campuchia làm căn cứ kéo dài chiến tranh để chống lại cách mạng Việt Nam của thực dân Pháp và yêu cầu thống nhất lực lượng, thống nhất hành động giữa ba dân tộc để đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng. Đại hội thống nhất về phương châm chiến lược trên chiến trường toàn Đông Dương là: Việt Nam đảm trách chiến trường chính vì đại bộ phận binh lực của địch đóng ở Việt Nam, còn Lào và Campuchia là nơi địch sơ hở, lực lượng khá mỏng, nên giữ vai trò chiến trường kiềm chế, phối hợp. Để tăng cường sự phối hợp chiến đấu giữa ba nước Đông Dương, Đại hội khẳng định: Việt Nam có nhiệm vụ giúp đỡ nhân dân Lào và nhân dân Campuchia về cả vật chất và tinh thần, nhất là giúp đào tạo cán bộ, kinh nghiệm tổ chức đấu tranh, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa.

Với việc xác định rõ thêm vị trí, vai trò của cách mạng mỗi nước và đề ra phương hướng, biện pháp tăng cường liên minh chiến đấu, Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã mở ra chặng đường phát triển mới của quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Theo sáng kiến của Đảng Lao động Việt Nam, ngày 11-3-1951 Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương khai mạc tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Các đại biểu đại diện Mặt trận Liên Việt của Việt Nam, của Mặt trận Lào Ítxala, của Mặt trận Khome Ítxarác đã thảo luận và nhất trí thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, cùng nhau đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc xâm lược, giành độc lập thực sự cho nhân dân Đông Dương. Hội nghị đề ra chương trình hành động chung và cử Ủy ban liên minh gồm đại diện của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Việc thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, tạo cơ sở nâng cao quan hệ đoàn kết và phối hợp chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, là đòn giáng mạnh mẽ vào chính sách “chia để trị” của bọn thực dân, đế quốc.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, các đồng chí Lào là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đã tổ chức thành “Nhóm Nhân dân Lào” làm nòng cốt lãnh đạo phong trào và chuẩn bị cho việc thành lập đảng chính trị của Lào. Đồng thời, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định cho các đảng viên của mình đang hoạt động ở Lào thành lập các tổ chức Đảng Lao động Việt Nam để vừa lãnh đạo lực lượng Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại Lào, vừa giúp “Nhóm Nhân dân Lào” giữ vững sinh hoạt và lãnh đạo kháng chiến. Phối hợp với “Nhóm Nhân dân Lào”, các tổ chức Đảng Lao động Việt Nam ở khắp Thượng, Trung, Hạ Lào triển khai giáo dục cho đảng viên cả Việt Nam và Lào nắm vững mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính đảng mácxít của Lào để lãnh đạo kháng chiến thắng lợi. Nhờ đó, công tác phát triển đảng ở Lào có nhiều tiến bộ, bước đầu tạo cơ sở về mặt tổ chức cho việc tiến tới thành lập đảng cách mạng của Lào.

Thực hiện ý đồ giành lại quyền chủ động chiến lược, từ năm 1951 thực dân Pháp tăng cường khủng bố, càn quét gây nhiều khó khăn cho kháng chiến của Việt Nam và Lào, nhất là làm cho hiệu quả liên minh chiến đấu giữa hai nước bị hạn chế,

không phát huy cao được khả năng phối hợp chiến trường.

Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi nhiệm vụ giúp cách mạng Lào như mình tự giúp mình để cùng phối hợp chiến đấu, đánh đuổi kẻ thù chung, giành độc lập tự do cho mỗi nước trên bán đảo Đông Dương. Thấm nhuần quan điểm quốc tế cao cả của Đảng Lao động Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam từ tiền tuyến đến hậu phương sẵn sàng chia sẻ những thuận lợi, cùng khắc phục khó khăn, cử nhiều người con yêu dấu của mình sang phối hợp cùng bạn Lào đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát triển lực lượng kháng chiến. Trong năm 1951, đã có hơn 12.000 cán bộ, chiến sĩ Việt Nam tình nguyện sang hoạt động ở chiến trường Lào.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa của nhiệm vụ quốc tế: “Giúp bạn là mình tự giúp mình”, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng, Trung đến Hạ Lào đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, sát cánh cùng quân và dân Lào đẩy mạnh chiến đấu và công tác. Với các phương thức hoạt động chủ yếu như ban xung phong công tác, vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, bộ đội Việt Nam cùng cán bộ Lào đi sâu vào các làng bản, thực hiện “ba cùng” với dân, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang địa phương. Dựa vào sự ủng hộ của nhân dân các bộ tộc Lào, quân tình nguyện Việt Nam cùng bộ đội Lào Ítxalạ tổ chức tập kích, phục kích, đập tan nhiều cuộc càn quét, lấn chiếm của địch, giữ vững các khu căn cứ kháng chiến, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng Lào, tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước phối hợp đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Ngày 14-9-1952, Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia họp tại Việt Bắc (Việt Nam) để kiểm điểm tình hình thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Liên minh tháng 3 năm 1951 và đề ra phương hướng phối hợp chiến đấu trong thời gian tới.

Đến dự và nói chuyện với Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự nghiệp chung của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia. Đoàn kết chặt chẽ giữa ba nước nhất định sẽ đi tới thắng lợi, nhất định sẽ giành được độc lập tự do cho mỗi nước. Gặp gỡ các đại biểu của quân tình nguyện Việt Nam tại Lào về dự hội nghị, Người căn dặn: Phải chấp hành sự lãnh đạo của Chính phủ Kháng chiến Lào, tuyệt đối không được tự cao, tự đại, bao biện; phải luôn luôn đoàn kết với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Lào.

Hội nghị cán bộ Mặt trận liên minh nhân dân Đông Dương tháng 9-1952 đã góp phần thắt chặt và thúc đẩy tình đoàn kết hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia lên bước phát triển mới, trở thành nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến của ba dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Với sự cố gắng, nỗ lực của bản thân và cùng với sự đoàn kết và phối hợp của Việt Nam, trong hai năm 1951-1952 cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đã giành được kết quả quan trọng về mọi mặt chính trị, quân sự, văn hóa xã hội, ngoại giao. Trong các vùng giải phóng và khu du kích, chính quyền các cấp được thành lập từ trung ương đến địa phương với đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển và trưởng thành. Uy tín và hiệu lực của Ủy ban quân, dân, chính nâng cao, đông đảo nhân dân các bộ tộc Lào tích cực tham gia kháng chiến. Lực lượng vũ trang cách mạng Lào lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, phối hợp chặt chẽ với bộ đội tình nguyện Việt Nam

chiến đấu liên tục, dẻo dai trên khắp các địa bàn Thượng, Trung và Hạ Lào. Trong vùng địch kiểm soát, phong trào đấu tranh chính trị nổ ra ở nhiều nơi, các cơ sở cách mạng phát triển ở Viêng Chăn, Xavannakhêt, Pạc Xê...

Kết quả hoạt động phối hợp đấu tranh giữa Việt Nam và Lào trong hai năm 1951-1952 đã góp phần tạo thêm thế và lực mới cho cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước, đồng thời chuẩn bị các yếu tố cần thiết để phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt – Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Đầu năm 1953, sau thất bại ở mặt trận Tây Bắc (Việt Nam), thực dân Pháp tăng cường lực lượng ở Sầm Nưa để bảo vệ khu vực Thượng Lào. Do đó, có đập tan được căn cứ Sầm Nưa, giải phóng Thượng Lào, Việt Nam mới có điều kiện phối hợp với Lào mở rộng khu căn cứ, xây dựng hậu phương kháng chiến và phá thế bố trí chiến lược của địch ở miền Bắc Đông Dương.

Tháng 4 năm 1953, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định mở chiến dịch Thượng Lào. Quân đội Việt Nam (gồm 10 trung đoàn chủ lực và các đoàn quân tình nguyện đang hoạt động ở Thượng Lào) phối hợp với quân đội Lào Ítxalạ (gồm 5 đại đội và hàng nghìn dân quân du kích) phối hợp tiến công theo hướng chủ yếu là Sầm Nưa, hướng phối hợp ở đường số 7, lưu vực sông Nậm U và giành thắng lợi (tháng 5-1953), giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phôngxaly.

Với thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào, hậu phương kháng chiến của Lào đã nối thông với vùng tự do của Việt Nam, tạo thế phối hợp chiến lược giữa Việt Nam và Lào, góp phần đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên một bước mới.

Từ sau chiến thắng Thượng Lào, Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam ở Lào đã phối hợp và giúp bạn thành lập “Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào”. Công tác xây dựng đảng ở Lào tiến thêm một bước mới, đạt được kết quả căn bản về chính trị, tổ chức, tạo điều kiện cho việc thành lập chính đảng cách mạng của Lào. Trên thực tế, Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào đã cùng Mặt trận Lào Ítxalạ lãnh đạo quân và dân Lào đẩy mạnh kháng chiến, phối hợp chặt chẽ với nhân dân Việt Nam, Campuchia chiến đấu, đánh bại các thủ đoạn chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Bước vào Đông Xuân 1953- 1954, quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiếp tục đẩy mạnh tiến công trên khắp các chiến trường, buộc thực dân Pháp phải thực thi kế hoạch Nava (tháng 7-1953), hy vọng sau 18 tháng sẽ giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Trước tình hình trên, tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra phương châm “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 – 1954 nhằm đẩy mạnh kháng chiến ở Việt Nam và tăng cường phối hợp với quân dân Lào giải phóng Phôngxaly, đánh địch ở Trung, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.

Tháng 12-1953 một bộ phận quân chủ lực Việt Nam gồm ba trung đoàn phối hợp với bộ đội Lào Ítxalạ và quân tình nguyện Việt Nam tại Lào mở chiến dịch Trung, Hạ Lào. Chiến thắng của Liên quân Việt – Lào góp phần làm phá sản kế hoạch tập trung quân của Nava, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó trên nhiều chiến trường, tạo điều kiện củng cố, phát triển thế phối hợp chiến lược giữa hai nước Việt

Nam và Lào.

Trên chiến trường chính, từ đầu tháng 12-1953, trước sức tiến công của bộ đội chủ lực Việt Nam, quân Pháp phải bỏ Lai Châu, rút về cố thủ ở Điện Biên Phủ và tăng cường lực lượng, biến nơi đây thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

Cuối năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm giải phóng hoàn toàn vùng Tây Bắc Việt Nam, tạo điều kiện cho quân và dân Lào giải phóng vùng cực Bắc Lào. Do địch ngày càng tăng cường lực lượng phòng thủ Điện Biên Phủ, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định thay đổi phương châm, từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”.

Từ cuối tháng 1-1954, quân đội Việt Nam gồm một đại đoàn, một trung đoàn và quân tình nguyện ở Thượng Lào phối hợp với đại đội Champaxắc, đại đội địa phương tỉnh Luông Phabang và bốn trung đội bộ đội địa phương huyện của Lào tiến công phòng tuyến sông Nậm U, cắt đứt “con đường liên lạc chiến lược” của địch với Điện Biên Phủ. Thắng lợi của chiến dịch đã đẩy tập đoàn cứ điểm của địch vào thế hoàn toàn bị cô lập, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Việt Nam thực hiện trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ.

Ngày 13-3-1954, quân và dân Việt Nam mở đầu cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với chiến trường chính Việt Nam, quân và dân Lào liên tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự từ Bắc xuống Nam Lào để kiềm chế lực lượng địch, đồng thời ủng hộ Mặt trận Điện Biên Phủ 300 tấn gạo chiến lợi phẩm thu được sau chiến thắng Thượng Lào và 400 viên đạn pháo 105 ly thu được của địch ở Ban Naphào.

Trải qua 55 ngày đêm chiến đấu gian khổ, quyết liệt và anh dũng, ngày 7-5-1954 tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn. Chiến công đó đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp được Mỹ viện trợ, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của bọn thực dân, đế quốc, góp phần thúc đẩy quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới. Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam và cũng là thắng lợi của khối đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, mà Việt Nam làm trụ cột trong sự nghiệp kháng chiến chống kẻ thù chung. Từ đây, cục diện chiến tranh Đông Dương chuyển sang thế có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia tại Hội nghị Giơnevơ.

Ngày 8-5-1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc tại Giơnevơ. Hội nghị có chín bên tham dự, gồm Liên Xô, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Việt Nam dân chủ cộng hòa, Quốc gia Việt Nam, Vương quốc Lào, Vương quốc Campuchia. Các đại diện lực lượng kháng chiến Pathét Lào và Khome Ítxarắc có mặt tại Giơnevơ nhưng không được mời tham gia hội nghị, vì đại biểu Pháp, Mỹ phản đối. Do đó, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đại diện cho lập trường, tiếng nói của Chính phủ Kháng chiến Lào và Campuchia.

Tại Hội nghị, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố lập trường có tính nguyên tắc của việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, phải thừa nhận lực lượng kháng chiến của Lào và Campuchia do chính phủ kháng chiến hai nước đó lãnh đạo; các lực lượng kháng chiến Lào, Campuchia phải có khu tập kết của mình...

Cuộc đấu tranh giữa đại diện Việt Nam và đại diện Pháp về phân chia giới tuyến tạm thời, khu vực tập kết và địa vị chính trị của lực lượng kháng chiến Lào, Campuchia diễn ra gay gắt và kéo dài trong nhiều phiên họp.

Do những thắng lợi vang dội của quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong Đông Xuân 1953-1954, mà đỉnh điểm là chiến thắng Điện Biên Phủ, cùng với phong trào đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh đang sôi sục trên toàn thế giới, ngày 21-7-1954, đối phương phải ký tuyên bố chung và các hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Nước Pháp và các nước tham gia hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Đó là cơ sở pháp lý quốc tế rất quan trọng để nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên giành độc lập, hoàn thành thống nhất đất nước ở mỗi nước.

Hội nghị Giơ ne vơ công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Lào; Pathét Lào là lực lượng chính trị độc lập, hợp pháp, có quân đội, có vùng tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly; các nhà chức trách hai phái (Pathét Lào và Chính phủ Vương quốc Lào) sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết vấn đề chính trị trên cơ sở bảo đảm quyền tự do, dân chủ của nhân dân, thành lập chính quyền liên hiệp, hòa hợp dân tộc thông qua tổng tuyển cử tự do...

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, việc ký kết Hiệp định Giơ ne vơ là một thắng lợi quan trọng của sự nghiệp đoàn kết kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung, của hai nước Việt Nam, Lào nói riêng trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Thắng lợi đó thể hiện nghị lực, quyết tâm của Việt Nam và Lào trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, kết tinh sức mạnh đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu giữa nhân dân và quân đội hai nước, tạo nền móng vững chắc cho sự phối hợp, liên minh chiến đấu giữa Việt Nam và Lào ngày càng nâng cao trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975).

Còn tiếp!

(Theo Tuyengiao.vn)

[1] Lê Quý Đôn: Kiến văn tiểu lục, Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, q.6, tr.361.

[2] Lê Quý Đôn: Phủ biên tạp lục, Bản dịch, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, q.4, tr.243.

[3] Xem: Nguyễn Ái Quốc: “Bản án chế độ thực dân Pháp” trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 2.

[4] Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào (Tóm lược), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 18. Địa điểm mà Nguyễn Ái Quốc đặt chân đến Lào được xác định là bản Xiêng Vàng, huyện Noong Bốc, tỉnh Khăm Muộn. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào nhân dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 tháng 5 năm 1890 – 19 tháng 5 năm 2010), đồng chí Bun Nhăng Vólachít, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban bí thư, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã dự lễ động thổ xây dựng Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại bản Xiêng Vàng, huyện Noong Bốc, tỉnh Khăm Muộn.

- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 94.
- [6]. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Sđd, tr.113.
- [7]. Một số tài liệu viết là Đội tiên vệ (Conlávăngnạ).
- [8]. Báo Cờ Giải phóng - Cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương, số 27 ngày 21-10-1945.
- [9]. Báo Cứu quốc - Cơ quan của Tổng bộ Việt Minh (Việt Nam), số 68, ngày 16-10-1945.
- [10] Ký ngày 16 tháng 10 năm 1945
- [11] Ký ngày 30 tháng 10 năm 1945
- [12] Chỉ thị kháng chiến kiến quốc, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 8 1945-1947, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 26.
- [13] Từ năm 1948, đổi thành Liên khu 4
- [14] Thư của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông gửi cụ Lê Thước đề ngày 7 tháng 11 năm 1951. Phòng Tư liệu Viện nghiên cứu Đông Nam Á.
- [15] Ủy ban này gồm 9 người, do ông Nuhắc Phumxavăn làm chủ tịch, ông Thao Ô làm phó chủ tịch, ông Tu Lăn làm uỷ viên quân sự và ông Xingcapo làm uỷ viên chính
- [16] . Tây Bắc Lào - vùng phía tây của Bắc Lào - gồm tỉnh Huội Xài và phần phía Tây tỉnh Luông Pha băng (sau tách thành tỉnh Xaynha Buly) Đây là vùng rừng núi điệp trùng, nằm sâu trong vùng địch kiểm soát, có biên giới giáp với Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc. Dân cư trong vùng phần lớn là các bộ tộc thiểu số như Lự, Cọ, Mu xơ, Lan Ten, Cùi, Nghiệu...sống chủ yếu bằng nghề làm nương rẫy, chăn nuôi, tự cấp, tự túc.
- [17] Về ngày thành lập Ban xung phong Lào Bắc, nhiều tài liệu viết không thống nhất. Theo đồng chí Huỳnh Đắc Hương viết trong bài Sau thắng lợi giải phóng dân tộc nhìn lại Sầm Nưa, Kỷ yếu hội thảo quốc tế : Căn cứ địa Sầm Nưa- biểu tượng đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Nxb Thế giới 2008, tr. 67, thì Ban xung phong Lào Bắc được thành lập ngày 24 tháng 8 năm 1948.